

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2022/DS-PT

Ngày 23- 9-2022

*V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất và lối đi.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và lối đi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **166/2021/QĐ-PT** ngày **02 tháng 6 năm 2021**, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Số , đường Tân L, tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1971. Là người đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017;

Địa chỉ: Tổ , ấp , xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số , đường Tân L, tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn Ch:

+ Luật sư Đặng Hồng Đ-Văn phòng luật sư Đặng Hồng Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số , Trần Thị T, Phường, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Luật sư Võ Phát Tr-Văn phòng luật sư Đức Tr, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số , Quốc lộ , khóm Mỹ Th, phường Mỹ P, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1971;

2. Chị Lê Thị A, sinh năm 1968;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị A: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1971. Là người đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2017;

Địa chỉ: Tổ , ấp , xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 2003;

4. Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 2008;

Cùng địa chỉ: Tổ , ấp , xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh A và Nguyễn Hữu Kh: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1971 và chị Lê Thị A, sinh năm 1968 (Là cha mẹ ruột);

Địa chỉ: Tổ , ấp , xã Mỹ T, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Huỳnh Thị M, sinh năm 1953;

6. Nguyễn Hoàng Ch, sinh năm 1976;

7. Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1978;

8. Nguyễn Vũ C, sinh năm 1978;

9. Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 2000;

10. Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2001;

11. Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Số , đường Tân L, tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Xuân Nh, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến N: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1951; Là người đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2018;

Địa chỉ: Số , đường Tân L, tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ Ch, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến Nh: Luật sư Võ Phát Tr - Văn phòng luật sư Đức Tr, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số , Quốc lộ , khóm Mỹ Th, phường Mỹ Ph, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Nguyễn Thị Trang Đ, sinh năm 1999;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Trang Đ: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1951; Là người đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018;

Cùng địa chỉ: Số , đường Tân L, tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

13. Nguyễn Viết V, sinh năm 1979;

14. Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1982;

15. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số , tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

16. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984;

17. Nguyễn Ngọc D;

Địa chỉ: Số , tổ, thôn , xã Đức L, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước.

18. Nguyễn Thị O, sinh năm 1935;

19. Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Số , tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

20. Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số , tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

21. Trần Thị H, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Số , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

22. Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

23. Nguyễn Văn D, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tô , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

24. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Xã Đông Th, huyện Thới L, thành phố Cần Thơ.

25. Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số , tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

26. Nguyễn Thị S, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số , tổ , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

27. Nguyễn Thị M, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tô, ấp Bình H, xã Mỹ H, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

28. Nguyễn Thành T, sinh năm 1969;

Địa chỉ ĐKHKTT: Số , tổ , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

29. Nguyễn Thị Thu X, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số , khu phố , thị trấn Hóc M, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh.

30. Nguyễn Thành T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

31. Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

32. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số , tổ , khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

33. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số , đường Tân L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

34. Nguyễn Văn X, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số A, ấp Mỹ Phú A, xã Mỹ An, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

35. Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Tô , ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

36. Ủy ban nhân dân thành phố Cao L;

Địa chỉ: Số , đường , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

* **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn Ch là nguyên đơn, đồng thời ông Ch là người đại diện hợp pháp của Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến Nh và Nguyễn Thị Trang Đ.

Anh T, ông Ch, anh C, bà H, bà O, anh Ng, ông D và các Luật sư có mặt tại phiên tòa. Các đơn sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Bà Nguyễn Thị Thu B có anh Nguyễn Quang T đại diện trình bày :**

Vào khoảng tháng 6 năm 1975, cụ Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn G) và cụ Nguyễn Thị Đ (là cha, mẹ) có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thu B, diện tích 780m² đất (ngang 26m, dài 30m) để cất nhà ở và chăn nuôi; đồng thời sử dụng lối đi chung chiều ngang 2m, chiều dài 50m để ra lộ Tân Long.

Ngày 07/3/1995, ông Nguyễn Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 300m² đất thổ, thuộc thửa 1676, tờ bản đồ số 02 và phần còn lại 480 m² đất lâu năm chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tại tổ 59, khóm 6, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tháng 12/2001, ông Nguyễn Văn C chết, bà B được thừa kế diện tích đất 780m², bà B quản lý, sử dụng cho đến năm 2008 gia đình ông C đòi lại phần đất mà ông H (Nguyễn Văn G) và bà Đ đã cho, bà B không đồng ý nên ông C ngang nhiên bao chiếm đất mô trồng trên phần đất 780m² và không cho bà B đi trên lối đi chung đi ra lộ Tân Long. Bà B làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 6 giải quyết nhưng không thành.

Trong quá trình sử dụng ông C, bà B có cất nhà ở và trồng 01 cây dừa, 01 cây mận trên phần đất thổ; Phần đất lâu năm 480m², bà B có trồng một bụi tre gai, 01 cây còng chỉ còn gốc, 02 nền chuồng heo (hiện nay còn gạch xây nền chuồng heo).

Nay, bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu:

1. Yêu cầu ông Nguyễn Văn C, Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Thị Yến Nh di dời các tài sản (cây trồng) trên đất tranh chấp để trả lại cho bà B diện tích đất 780 m², tọa lạc tại tổ 59, khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Yêu cầu được sử dụng lối đi ngang 2m dài 50m, tại tổ 59, khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu B (có ông Nguyễn Quang T đại diện) yêu cầu:

Công nhận cho bà B được quyền sử dụng đất trong phạm vi các mốc 11, 19, 1, 12, 13, 14, 2, 15, 3, 20, 10, 21, trở về mốc 11 (trong đó đất trong phạm vi các mốc 19, 1, 12, 13, 14, 2, 15; 16, 17, 18, trở về 19 bà B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1676, tờ bản đồ số 02; phần đất trong phạm vi các mốc 11, 19, 18, 17, 16, 15, 3, 20, 10, 21, 11 chưa được cấp quyền sử dụng đất).

Bà B đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông C theo giá Hội đồng định giá; Chi phí cát san lấp cho ông C số tiền 28.800.000 đồng và giá trị đất lối đi một phần thửa 425 trong phạm vi các mốc 10, 20, 3, 4, 9, trở về mốc 10 cho hộ ông C theo giá Hội đồng định giá. Bà B yêu cầu được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lối đi diện tích đất 24,7m².

Bà B thống nhất trả $\frac{1}{2}$ giá trị đất lối đi trong phạm vi các mốc 9, 4, 5, 8, trở về mốc 9, số tiền 12.500.000 đồng (giá do anh V chuyển nhượng cho anh C vào năm 2009 giá 25.000.000 đồng). Bà B và anh C được kê khai, đăng ký và đứng tên quyền sử dụng đất. Không đồng ý trả giá trị số tiền 200.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng C.

Bà Nguyễn Thị Thu B (do ông Nguyễn Quang T đại diện) thống nhất: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2017, biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 13/12/2017, Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 04/7/2018 và ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh; Biên bản định giá tài sản ngày 02/8/2018.

Không yêu cầu giải quyết tranh chấp thừa kế theo pháp luật hay tranh chấp thừa kế theo tờ chúc ngôn ngày 12/3/1999.

*** Ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Cha và mẹ của ông Nguyễn Văn C tên cụ Nguyễn Văn H (Tám G) và cụ Nguyễn Thị Đ. Cụ H và cụ Đ có các người con gồm: Nguyễn Văn P; Nguyễn Văn G; Nguyễn Văn C; Nguyễn Văn Q; Nguyễn Văn X; Nguyễn Văn C; Nguyễn Thị N; Nguyễn Ngọc M.

Vào năm 1975, cụ H và cụ Đ tuổi cao nên có họp mặt các con lại chia đất cho, vì cụ H và cụ Đ không biết chữ nên không lập thành văn bản mà chỉ nói miệng. Cụ H và cụ Đ cho phần đất tọa lạc tại tổ 2, ấp Tân Phát, xã Tân Thuận Đông, TP Cao

Lãnh, Đồng Tháp cho 04 người con gồm ông G, ông C, ông Q và ông X mỗi người 01 công đất.

Phần đất còn lại là 9.184m² đất tọa lạc tại phường 6, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp, thì cụ Đ cho ông C được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Do ông C là con út trong gia đình, nên cụ H và cụ Đ cho đất nhiều hơn, để thờ cúng ông bà và lo chăm sóc cha mẹ lúc ốm đau, già yếu. Lúc đó các anh em trong gia đình đều đồng ý, không ai có ý kiến.

Sau đó, vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Nguyễn Thị Thu B có hỏi xin ông C cất nhà tạm trên đất tranh chấp hiện nay để ở (khoảng 5-6 năm), khi ông C có tiền sẽ di dời nhà đi nơi khác trả đất lại cho ông C, nên ông C đồng ý.

Ngày 29 tháng 9 năm 1999, hộ ông Nguyễn Văn C được Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.184m².

Vào năm 2000, cụ Đ chết; Năm 2001 cụ H (Tám G) chết. Năm 2003, ông C được cấp quyền sử dụng đất và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 8.656,5m² gồm các thửa 220, 221, 278, 279, 280, 425, 2449, 2451, tờ bản đồ số 5 đất tại khóm 6, Phường 6, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông C có hỏi Công chức Địa chính về diện tích được trả lời do đo đạc lại chính xác. Toàn bộ diện tích đất 8.656,5m², ông C đã quản lý sử dụng ổn định từ năm 1975 cho đến nay không ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Hàng năm, ông C đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước.

Năm 2009, bà Nguyễn Thị Thu B vợ ông C khởi kiện tranh chấp lỗi đi nhưng vụ án đã bị đình chỉ giải quyết vào ngày 26/02/2009, theo quyết định số 07/2009/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Nay ông Nguyễn Văn C không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu B. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà B, thì ông C đồng ý trả giá trị tài sản của bà B trên diện tích đất tranh chấp theo giá Hội đồng định giá.

Trường hợp Tòa án chấp nhận đất cho bà B sử dụng, thì ông C yêu cầu bà B trả giá trị cây do ông C trồng theo giá Hội đồng định giá và chi phí san lấp cát số tiền 28.800.000 đồng. Không đồng ý cho bà B sử dụng lỗi đi trên đất của ông C thửa 425.

Ông Nguyễn Văn C thống nhất: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2017, biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 13/12/2017, Bản đồ đo

đạc và sơ đồ mốc ngày 04/7/2018 và ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh; Biên bản định giá tài sản ngày 02/8/2018.

*** Anh Nguyễn Viết V trình bày:**

Cha mẹ anh V là ông Nguyễn Văn C (chết năm 2009) và bà Nguyễn Ngọc Đ (chết năm 1998). Ông Ch và bà Đ có 05 người con gồm: Nguyễn Viết V; Nguyễn Ngọc Th; Nguyễn Ngọc D; Nguyễn Ngọc D; Nguyễn Hoàng D. Năm 2009, phần diện tích lối đi ngang 2m x 30m (đo đạc thực tế 53,3m²) anh V, chị Th và chị Hoàng D đã chuyển nhượng cho anh C, giá 25.000.000 đồng có làm giấy chuyển nhượng, đã nhận đủ tiền và giao đất. Nay anh V không tranh chấp, không có ý kiến hoặc yêu cầu chia thừa kế diện tích đất lối đi này.

*** Anh Nguyễn Hoàng C trình bày:**

Năm 2009 anh C có chuyển nhượng phần đất lối đi trong phạm vi các mốc 9, 4, 5, 8, trở về mốc 8, tại phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp của anh V, giá 25.000.000 đồng, làm giấy tay, đã giao đất sử dụng, đến nay anh C chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh C yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất lối đi. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B được đi lối đi này, thì anh C yêu cầu bà B phải trả giá trị số tiền 200.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Lê Thị A, Nguyễn Thị Minh A, Nguyễn Hữu Kh (Có anh Nguyễn Quang T đại diện cho chị A, chị A, anh Kh) và Nguyễn Quang T; Huỳnh Thị M, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến Nh, Nguyễn Thị Trang Đ (Có ông Nguyễn Văn C đại diện); Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Thị N, Trần Thị H, Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thành T (sinh năm 1969, địa chỉ ĐKKHTT: Số , đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số , đường Phạm Hữu L, Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp), Nguyễn Thị Thu X, Nguyễn Thành T (sinh năm 1972, địa chỉ: Số /42 A, đường Phạm Hữu L, khóm , Phường , TP Cao L, tỉnh Đồng Tháp) và Ủy ban nhân dân thành phố Cao L: Không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

*** Ông Nguyễn Văn X trình bày:**

Diện tích đất tranh chấp khoảng 600m², tại khóm 6, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp giữa bà Thu B với ông C do cha mẹ ông X là cụ Nguyễn Văn G (H) và cụ Nguyễn Thị Đ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Thu B) thời gian khoảng năm 1975-1976. Ông C, bà B cất nhà ở, trồng cây, xây chuồng

nuôi heo và phần đất còn lại bên hông nhà có ao nuôi cá. Năm 1995, ông C được cấp quyền sử dụng đất diện tích 300m², không rõ lý do nào phần đất còn lại ông C không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Bà B cất nhà ở, sau này không rõ lý do gì bà B không còn ở trên đất.

Nay ông X không tranh chấp thừa kế đối với diện tích đất do bà B đang tranh chấp với ông C.

*** Bà Nguyễn Thị N, trình bày:**

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn H (G, chết) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết). Cụ G, cụ Đ có các con gồm: Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn C (chồng bà Thu B), Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn C và Nguyễn Ngọc M. Năm 1975, cụ G có cho bà N một nền nhà và ông Nguyễn Văn C, bà Thu B một nền nhà (hai nền nhà này giáp ranh với nhau) để cất nhà ở. Sau này bà Ngoa có tiền mua đất nơi khác cất nhà ở, bà N trả đất nền nhà này lại cho cụ G. Bà Ng xác định, cụ G cho luôn ông C nền nhà nhưng không biết diện tích bao nhiêu.

Đối với đất lối đi chiều ngang khoảng 02 mét, chiều dài khoảng 30 mét là đất của cụ Út T (T), cụ T là em ruột của cụ G. Cụ T (T) để lại cho con là ông Ch, ông Ch chết để lại cho con là Nguyễn Viết V. Sau này anh Vn bán đất lối đi này cho gia đình ông C.

Nay bà N không tranh chấp thừa kế diện tích đất giữa bà B với ông C và không yêu cầu chia thừa kế đất lối đi này.

*** Bà Nguyễn Ngọc M trình bày:**

Bà M thống nhất theo lời bà Ng trình bày. Không nhớ thời gian nào, cụ G, cụ Đ cho luôn ông C, bà Thu B diện tích đất nền nhà (không xác định chiều ngang, chiều dài bao nhiêu mét), không làm giấy tờ cho đất, phần nền nhà này là tại căn trại lá có sẵn của ông C (để trông coi vườn), ông C, bà B ở trong căn trại này, sau đó cất nới rộng thêm. Phần đất bờ liếp cặp hông nền nhà và cái ao có cho ông C, bà B hay không thì bà M không biết, nhưng ông C xây chuồng nuôi heo trên bờ liếp, ao nuôi cá trê (trước khi cho đất thì ông G nuôi cá tra).

Bà M không yêu cầu chia thừa kế đất tranh chấp.

*** Ông Nguyễn Văn Q trình bày:**

Ông Q thống nhất với lời trình của bà N, ông X trình bày. Sau năm 1975, Cụ Giải, cụ Đính cho ông Chấn diện tích đất chiều ngang 26 mét, chiều dài 30 mét, tại khóm 6, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, cho đất không làm giấy tờ. Ông C cất nhà ở, trồng cây nuôi heo, nuôi cá. Ông C kê khai, đăng

ký và được cấp quyền sử dụng đất diện tích 300m². Năm 1999, cụ G làm tờ chúc ngôn (do ông Q viết) cho ông C diện tích đất chiều ngang 26 mét, chiều dài 30 mét để cho các con khác không tranh chấp và để ông C kê khai, đăng ký bổ sung đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất lối đi ra lộ Tân Long là đất cụ T (T, em ruột cụ G) được hưởng, cụ T (T) để lại cho con là ông C, ông C chết để lại cho con là Nguyễn Viết V.

Nay ông Q không tranh chấp thừa kế phần đất giữa bà B với ông C đang tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế đất lối đi này.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu B, bà B được sử dụng diện tích đất trong phạm vi các mốc 1, 12, 13, 14, 2, 15, 3, 20, 10, 21, 11, 19, trở về mốc 1, tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc hộ ông Nguyễn Văn C (Gồm: ông Nguyễn Văn C, Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến Nh, Nguyễn Thị Trang Đ) trả cho bà Nguyễn Thị Thu B diện tích đất trong phạm vi các mốc 1, 12, 13, 14, 2, 15, 3, 20, 10, 21, 11, 19, trở về mốc 1, tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thu B đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, kê khai, đăng ký bổ sung quyền sử dụng đất trong phạm vi các mốc 1, 12, 13, 14, 2, 15, 3, 20, 10, 21, 11, 19, trở về mốc 1, tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Thu B có trách nhiệm trả giá trị cây trồng cho ông C số tiền 8.410.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu B được quyền sở hữu các cây do ông C trồng gồm: Nhãn: 12 cây; Mít: 05 cây; Xoài: 01 cây; Mãn cầu xiêm: 03 cây; Chuối : 24 cây; Gáo : 02 cây.

Đối với sầu đâu (04 cây), ông C tự đốn bỏ, di dời ra khỏi diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Thu B.

- Bà Nguyễn Thị Thu B có trách nhiệm trả chi phí san lấp cát cho ông C số tiền 28.800.000 đồng.

- Về lối đi trên đất (thửa 425) của hộ ông Nguyễn Văn C : Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu B, bà B được quyền sử dụng lối đi trên đất của hộ ông C trong phạm vi các mốc 9, 10, 20, 3, 4, trở về mốc 9, diện tích đất 24,7m², tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thu B phải trả giá trị lỗi đi (thửa 425) cho hộ ông C số tiền 4.618.900 đồng.

Bà B và hộ ông C (Gồm: ông Nguyễn Văn C, Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yên N, Nguyễn Thị Trang Đ) đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất diện tích đất 24,7m² trong phạm vi các mốc 9, 10, 20, 3, 4, trở về mốc 9, tọa lạc tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định.

- Về lỗi đi diện tích 53,3m² trong phạm vi các mốc 9, 4, 8, 5, trở về mốc 9 của Nguyễn Hoàng C: Chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu B, bà B được sử dụng lỗi đi (ra đường Tân Long) trong phạm vi các mốc 9, 4, 8, 5, trở về mốc 9, diện tích 53,3m², tọa lạc tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Thu B có trách nhiệm trả giá trị $\frac{1}{2}$ diện tích đất lỗi đi 53,5m² (trong phạm vi các mốc 9, 4, 8, 5, trở về mốc 9) cho anh Nguyễn Hoàng C số tiền 12.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu B và anh Nguyễn Hoàng C đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất diện tích đất lỗi đi 53,3m² (trong phạm vi các mốc 9, 4, 8, 5, trở về mốc 9), tọa lạc tọa lạc khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2017, biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 13/12/2017, Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 04/7/2018 và ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Thu B được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà B được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.375.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00154, ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự TP Cao Lãnh.

+ Ông Nguyễn Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Hoàng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.375.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số 0007682, ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Cao Lãnh. Anh C phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá) số tiền 6.595.000 đồng ông Nguyễn Văn C chịu. Bà Nguyễn Thị Thu B (có ông Tổng đại diện) đã nộp tạm ứng và chi xong. Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu B số tiền 6.595.000 đồng (sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 4 năm 2021 ông Nguyễn Văn C là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Thị Yến Nh kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Văn C yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C xác định chỉ ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng về tranh chấp quyền sử dụng đất, còn tranh chấp lỗi đi anh C trực tiếp tham gia tố tụng, đồng thời các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp lỗi đi với ông C, anh C. Ông C, anh C thống nhất việc bà B rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp lỗi đi và ông C, anh C thống nhất rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với việc tranh chấp lỗi đi .

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Văn C trình bày:**
Phần đất tranh chấp bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở Tờ Chúc ngôn năm 1999, nhưng chưa được làm rõ và không có ý kiến của bà Đ. Bà B sử dụng đất trong một thời gian ngắn di dời nhà trả lại đất, nên từ bỏ quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp lỗi đi nhưng chưa được hòa giải ở cơ sở là vi phạm thủ tục tố tụng. Án sơ thẩm nhận định không đúng lời trình bày của bà N, bà M, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà M, anh C, chị M, Hoàng Đ, Yên Nh, Vũ C, Xuân N và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu B về tranh chấp lối đi. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông C, anh C về tranh chấp lối đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn H (tự G chết 2001) và cụ Nguyễn Thị Đ (chết 2000).

[2] Theo bà B vào khoảng tháng 6 năm 1975, cụ H và cụ Đ có cho con là ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Nguyễn Thị Thu B phần đất, khi cho đất không có làm giấy tờ. Ông C và bà B quản lý, sử dụng làm nhà ở, trồng cây, nuôi cá...đến ngày 07/3/1995, ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 300m² đất thổ, phần đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12/3/1999 cụ H lập di chúc để lại cho ông C phần đất ngang 30m, dài 26m, diện tích 780m². Năm 2001 ông C chết bà B tiến hành thủ tục thừa kế và hộ bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/4/2003 trong đó có diện tích 300m², thửa 1676, đất thổ. Năm 2008, ông C không cho sử dụng lối đi và bao chiếm phần đất được cụ H cho. Bà B yêu cầu ông C trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 785,5m² (trong đó thửa 1676, diện tích 298,2m², diện tích còn lại 487,3m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng).

[3] Ông C cho rằng, phần đất tranh chấp được cụ H và cụ Đ cho ông C vào khoảng năm 1975, khi cho không có làm giấy tờ, đến năm 1977 do ông C và bà B không có đất cất nhà ở nên hỏi ông C ở nhờ 5-6 năm khi làm ăn có tiền di dời đi nơi khác trả lại đất, năm 2009 bà B dỡ nhà di dời đi nơi khác, ông C quản lý sử dụng cho đến nay. Ông C không đồng ý trả lại theo yêu cầu của bà B.

[4] Xét thấy, về phía ông C không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp được cụ H và cụ Đ cho ông C cho vào năm 1975 và ông C cũng không có giấy tờ chứng minh là ông C cho ông C và bà B ở nhờ vào năm 1977. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Ngọc M là các anh, em ruột của ông C, ông C thể hiện như sau:

- Ông Nguyễn Văn Q khai ngày 08/02/2021: Sau năm 1975, cha, mẹ tôi cho ông C diện tích đất ngang 26m, dài 30m, tại tổ 59, khóm 6, phường 6, thành phố Cao Lãnh để cất nhà ở, chăn nuôi, trồng trọt cho đất không có làm giấy tờ nhưng các anh em đều biết.

- Ông Nguyễn Văn X khai ngày 15/12/2020: Cha tôi là ông Nguyễn Văn G và mẹ là bà Nguyễn Thị Đ cho ông Nguyễn Văn C diện tích đất vào năm 1975-1976 diện tích như sau: Đất hằm sau này ông C nuôi cá tra, đất liếp diện tích 600m². Ông C và bà B cất nhà ở, phía sau xây dựng chuồng heo....khi cho đất không có làm giấy tờ đến năm 1995 ông C được cấp diện tích đất nền nhà khoảng 300m², phần còn lại không được cấp tôi không rõ lý do...

- Bà Nguyễn Ngọc M khai ngày 28/01/2021: Trước đây không nhớ năm nào cha, mẹ tôi có cho ông C diện tích đất nền nhà không biết chiều ngang, dài bao nhiêu để vợ chồng ông C, bà B ra riêng cho đất luôn, không làm giấy tờ....

- Bà Nguyễn Thị N khai ngày 08/02/2021: Tôi xác định là cha tôi cho tôi 01 nền nhà, ông C (chồng bà Thu B) 01 nền nhà là cho luôn, không phải cho ở tạm...không biết diện tích...

[5] Tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2007 của Ban nhân dân khóm 6 ông C trình bày như sau: Tôi đồng ý 300m² đất thổ hiện sử dụng của chị Thu B. Ngoài ra chị không được lấn chiếm, vì 480m² chị khai là thuộc quyền sử dụng của tôi...

[6] Mặt khác, theo tờ chúc ngôn ngày 12/3/1999 của cụ Nguyễn Văn G có nội dung:...Hiện tôi có thửa đất gồm có một số vườn cây ăn trái và một số làm ruộng rẫy. Tôi già mất sức lao động, nên tôi để lại cho con trai thứ 9 tên là Nguyễn Văn C đứng tên vào giấy đăng ký quyền sử dụng đất, trực tiếp canh tác đóng thuế nhà nước. Nay tôi quyết định truất ra một phần đất có diện tích bề ngang 30m, bề dài 26m gồm đất thổ cư và xung quanh nhà đứa con trai thứ 5 của tôi tên Nguyễn Văn C...con tôi Nguyễn Văn C được trọn quyền sử dụng số đất thổ cư nêu trên...Tờ chúc ngôn có sự chứng kiến của các con là ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Q. Đồng thời, ông Quyên cũng xác định ông Q là người viết tờ chúc ngôn theo ý chí, nguyện vọng của cụ H là cho ông C phần đất chiều ngang 30m, chiều dài 26m.

Như vậy, qua lời khai của ông X, ông Q, bà M, bà N và tờ chúc ngôn ngày 12/3/1999 đủ cơ sở xác định phần đất tranh chấp cụ H và cụ Đ cho ông C và bà B, nên việc bà B yêu cầu hộ ông C trả lại là có căn cứ.

[7] Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 785,5m² (trong đó thửa 1676, diện tích 298,2m², diện tích còn lại 487,3m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng). Trong quá trình sử dụng đất, ông C có trồng cây ăn trái như nhãn, xoài, mít, mần cầu, chuối và có tiến hành san lấp. Bà B đồng ý trả giá trị cây trồng theo giá của Hội đồng định giá và chi phí san lấp 28.800.000 đồng cho ông C. Án sơ thẩm xử buộc bà B trả giá trị cây trồng cho ông C theo giá của Hội đồng định giá là 8.410.000 đồng và trả chi phí san lấp cho ông C 28.800.000 đồng là phù hợp.

[8] Đối với phần đất lối đi, tại phiên tòa phúc thẩm về phía bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp lối đi với ông C, anh C. Ông C và anh C thống nhất việc bà B rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp lối đi, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B và ông C, anh C rút một phần kháng cáo đối với việc tranh chấp lối đi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà B và một phần yêu cầu kháng cáo của ông C, anh C, đây là sự tự nguyện của các đương sự phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B và đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông C, anh C về tranh chấp lối đi.

Trong trường hợp bà B, ông C, anh C không thỏa thuận được với nhau về lối đi thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[9] Bà B tranh chấp lối đi với anh C. Anh C thống nhất cho bà B được sử dụng lối đi, nhưng phải bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho anh C là 200.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu của anh C và buộc anh C nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng qui định của pháp luật.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Thị Yến Nh. Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm.

[10] Xét, đề nghị của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C, bà Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến Nh và đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của các Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa cách tuyên án.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn

Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Thị Yến Nh. Tuy nhiên, để đảm bảo việc thi hành án, Hội đồng xét xử, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí, bà B, ông C là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà B, ông C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do kháng cáo của bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Thị Yến Nh, không được chấp nhận, nên bà M, anh C, chị M, Vũ C, Trang Đ, Xuân N, Hoàng Đ, Yến Nh phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 175 Bộ Luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, Điều 147 khoản 1, Điều 148; khoản 2, Điều 308 và Điều 157, 468 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu B về việc tranh chấp lối đi với ông Nguyễn Văn C, bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân Nh, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến Nh và anh Nguyễn Hoàng C.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Văn C, bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, và Nguyễn Thị Yến Nh về tranh chấp lối đi.

- Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn C, bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ và Nguyễn Thị Yến Nh về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu B.

2. Buộc hộ ông Nguyễn Văn C (Gồm: ông Nguyễn Văn C, Huỳnh Thị M, Nguyễn Hoàng C, Lê Thị Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Thị Trang Đ) trả cho bà Nguyễn Thị Thu B diện tích 785,5m² đất (trong đó thửa 1676, diện tích 298,2m², diện tích còn lại 487,3m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) được thể hiện trong phạm vi các mốc 1, 12, 13, 14, 2, 15, 3, 20, 10, 21, 11, 19, trở về mốc 1, đất tại khóm 6, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị Thu B có trách nhiệm trả giá trị cây trồng số tiền 8.410.000 đồng và chi phí san lấp cát số tiền 28.800.000 đồng cho ông C.

4. Bà Nguyễn Thị Thu B được quyền sở hữu các cây do ông C trồng gồm: Nhãn: 12 cây; Mít: 05 cây; Xoài: 01 cây; Mãn cầu xiêm: 03 cây; Chuối : 24 cây; Gáo : 02 cây.

5. Buộc hộ ông C di dời (đốn bỏ) 04 cây sầu đâu ra khỏi diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Thu B.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/12/2017, biên bản xem xét thẩm định bổ sung ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 13/12/2017, Bản đồ đo đạc và sơ đồ mốc ngày 04/7/2018 và ngày 23/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, kê khai, đăng ký bổ sung quyền sử dụng các phần đất trên theo quy định pháp luật.

8. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá):

Tổng cộng số tiền 6.595.000 đồng. Ông Nguyễn Văn C chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 6.595.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu B đã nộp tạm ứng và chi xong. Do vậy, ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm nộp số tiền 6.595.000 đồng hoàn trả lại cho bà B.

9. Về án phí:

9.1 Bà Nguyễn Thị Thu B được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà B được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.375.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 00154, ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

9.2 Ông Nguyễn Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

9.3 Anh Nguyễn Hoàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số 0007682, ngày 08/02/202, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

9.4 Bà Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Hoàng C, Lê Ngọc M, Nguyễn Vũ C, Nguyễn Thị Trang Đ, Nguyễn Thị Xuân N, Nguyễn Hoàng Đ, và Nguyễn Thị Yến Nh liên đới nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- CCTHADS thành phố Cao Lãnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng